TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ KINH MÔN** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 05/2024/QĐST-VDS	*Kinh Môn, ngày 08 tháng 8 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH

SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN – TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Đào Văn Phúc.

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Ly -Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 07/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2024, về yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật, theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 07/2024/QĐST-HNGĐ ngày 24/7/2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu*: UBND xã T. Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Văn L – Chủ tịch UBND xã. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị H - Công chức tư pháp hộ tịch. Giấy ủy quyền ngày 24/5/2024. Bà H vắng mặt (Có đơn xin vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Bùi Văn K, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn V, xã T, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

+ Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn V, xã T, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

Đều vắng mặt và có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

- *Tại đơn yêu cầu và quá trình giải quyết việc dân sự, người yêu cầu và người đại diện hợp pháp trình bày*:

Ngày 03 tháng 5 năm 2024 UBND xã Thượng Quận nhận được đơn đề nghị của chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1985, địa chỉ: Thôn Q, xã T, thị xã K, tỉnh Hải Dương về việc đề nghị UBND xã T hủy việc đăng ký kết hôn giữa chị với anh Bùi Văn K, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 08 ngày 17/02/2002 của UBND xã T, thị xã K cấp. UBND xã T kiểm tra thấy rằng, anh K và chị H1 có đăng ký kết hôn tại sổ đăng ký kết hôn năm 2002, số thứ tự số 08, với tên chồng Bùi Văn K, sinh ngày 20/7/1979 và tên vợ Nguyễn Thị H1, ngày 10/02/1984, ngày đăng ký kết hôn là 17/02/2002. Căn cứ giấy tờ, hồ sơ của công dân và thực tế cho thấy thời điểm kết hôn, chị H1 chưa đủ tuổi kết hôn và đã khai tăng để đủ tuổi được đăng ký kết hôn. Cụ thể, tại sổ đăng ký kết hôn đã ghi chị H1 sinh ngày 10/02/1984 và ghi anh K sinh ngày 20/7/1979 là không đúng. Như vậy, chị H1 chưa đủ tuổi kết hôn, việc kết hôn giữa anh K và chị H1 đã vi phạm tuổi kết hôn

theo Luật HNGĐ năm 2000. Do đó, UBND xã T yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Bùi Văn K, sinh ngày 02/8/1979 và chị Nguyễn Thị H1, sinh ngày 10/6/1985, đều ở Thôn Q, xã T, thị xã K, tỉnh Hải Dương

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, chị H1, anh K trình bày:

Anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được UBND xã T, thị xã K, tỉnh Hải Dương cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 08 ngày 17/02/2002. Sau khi đăng ký kết hôn anh chị tổ chức lễ cưới theo phong tục và chung sống hạnh phúc cho đến nay, không có mâu thuẫn gì trầm trọng. Do khi đăng ký kết hôn, anh chị không đem theo giấy tờ tùy thân nên anh K đã khai nhầm ngày tháng sinh trong giấy đăng ký kết hôn là ngày 20/7/1979, nhưng ngày tháng năm sinh đúng của anh là ngày 02/8/1979. Chị H1 biết là chưa đủ tuổi kết hôn (chưa đủ 17 tuổi) nên đã khai sinh ngày 10/02/1984 để đủ tuổi đăng ký kết hôn, chị H1 xác định chị sinh ngày 10/6/1985 là đúng. Nay UBND xã Thượng Quận yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật, anh chị đề nghị Tòa án công nhận hôn nhân của anh chị kể từ ngày chị H1 đủ tuổi kết hôn. Anh chị có 02 con chung là cháu Bùi Thị Hiền D, sinh năm 2003 và Bùi Thị Thanh H2, sinh năm 2009, anh chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên họp:

- Người đại diện hợp pháp của UBND xã T vắng mặt, có đơn xin vắng mặt và trình bày: Chị H1 chưa đủ tuổi kết hôn, đã khai tăng tuổi là vi phạm độ tuổi kết hôn theo quy định. Do đó, UBND xã T giữ nguyên yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật của anh K và chị H1. Trường hợp, anh K, chị H1 đề nghị Tòa án công nhận hôn nhân của anh chị kể từ thời điểm chị H1 đủ tuổi kết hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh K và chị H1 trên cơ sở quy định của pháp luật.

- Chị Nguyễn Thị H1 và anh Bùi Văn K vắng mặt, có đơn đề nghị vắng mặt và đề nghị Tòa án giải quyết: Công nhận quan hệ hôn nhân của anh chị kể từ thời điểm chị H1 đủ tuổi kết hôn (trên cơ sở Giấy đăng ký kết hôn số 08 ngày 17/02/2002, do UBND xã T, thị xã K, tỉnh Hải Dương cấp).

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên họp phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Đây là việc dân sự yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật, Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên họp giải quyết việc dân sự Thẩm phán và Thư ký đã tuân theo đúng quy định của BLTTDS; Những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án căn cứ Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2000; tiểu mục a mục 1 Nghị quyết số 02 ngày 23/12/2000 của Hội đồng thẩm phán TAND Tối cao; Điều 8, Điều 10, Điều 11, Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 3, điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp; khoản 1 Điều 149, Điều 367 BLTTDS; Luật phí và lệ phí năm 2015; điểm d khoản 2 Điều 11 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

- Không chấp nhận yêu cầu của UBND xã T, thị xã K, tỉnh Hải Dương về việc hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Nguyễn Thị H1 và anh Bùi Văn K tại thời điểm đăng ký kết hôn ngày 17/02/2002;

- Công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Bùi Văn K, sinh ngày 02/8/1979 và chị Nguyễn Thị H1, sinh ngày 10/6/1985, đều ở Thôn Q, xã T, thị xã K, tỉnh Hải Dương kể từ ngày chị H1 đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật là ngày 10/6/2003.

- Về lệ phí: UBND xã T được miễn lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự đã được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết yêu cầu: Chị Nguyễn Thị H1 và anh Bùi Văn K đều ở Thôn Q, xã T, thị xã K, tỉnh Hải Dương. UBND xã T là nơi đăng ký kết hôn trái pháp luật cho chị H1 và anh K. UBND xã T có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn hủy việc kết hôn trái pháp luật, đồng thời quá trình giải quyết, chị H1 và anh K yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân kể từ khi chị H1 đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 10, 11 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014 yêu cầu này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

[2]. Về sự vắng mặt của người giam gia tố tụng: Người đại diện hợp pháp của người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng giải quyết việc dân sự tiến hành phiên họp vắng mặt họ theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về ngày tháng năm sinh của chị H1, anh K: Tại biên bản lấy lời khai, anh Bùi Văn K xác định ngày tháng năm sinh đúng của anh là ngày 02/8/1979, chị Nguyễn Thị H1 xác định ngày tháng năm sinh đúng là ngày 10/6/1985. Anh chị làm thủ tục đăng ký kết hôn, UBND xã T đã cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 08 ngày 17/02/2002 cho anh chị. Khi đó, anh chị không đem theo giấy tờ tùy thân, không nhớ chính xác ngày tháng năm sinh, anh K đã khai sinh ngày 20/7/1979, chị H1 chưa đủ tuổi kết hôn nên đã khai tăng tuổi, khai sinh sinh ngày 10/02/1984 (cho đủ tuổi kết hôn). Trên cơ sở các giấy tờ tùy thân (Căn cước công dân, giấy khai sinh của anh K, chị H1), đồng thời căn cứ nội dung UBND xã T xác nhận thông tin của chị H1, anh K, có đủ cơ sở xác định: Chị Nguyễn Thị H1, sinh ngày 10/02/1984 ghi trong Giấy đăng ký kết hôn với Nguyễn Thị H1, sinh ngày 10/6/1985 ghi trong CCCD số 030185019598 là một người; anh Bùi Văn K, sinh ngày 20/7/1979 ghi trong Giấy đăng ký kết hôn với Bùi Văn K, sinh ngày 02/8/1979 ghi trong CCCD số 030079010549 là một người.

[4]. Về nội dung yêu cầu: Anh K, chị H1 xác định anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã T ngày 17/02/2002. Căn cứ ngày tháng năm sinh của anh K, chị H1, tại thời điểm đăng ký kết hôn, anh K đã đủ tuổi kết hôn, còn chị H1 mới 16 tuổi 8 tháng 7 ngày, chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Như vậy, việc kết hôn của anh chị đã vi phạm về độ tuổi kết hôn, UBND xã T không kiểm tra giấy tờ tùy thân

đã đăng ký kết hôn cho anh K, chị H1 là trái pháp luật. Do đó, UBND xã T yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn hủy kết hôn trái pháp luật là có căn cứ. Tuy nhiên, tại thời điểm Tòa án giải quyết yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật, anh K và chị H1 cùng yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn. Xét thấy anh K, chị H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, chung sống hạnh phúc từ đó đến nay, đã có 02 con chung. Anh chị đã có đủ các điều kiện kết hôn theo điều 8 Luật hôn nhân và gia đình 2014, yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân của anh chị là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định khoản 2 Điều 11, điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, không cần tuyên hủy kết hôn trái pháp luật mà công nhận quan hệ hôn nhân của anh K, chị H1 kể từ thời điểm chị H1 đủ tuổi kết hôn.

[5] Về lệ phí: UBND xã T yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật nên được miễn lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự theo quy định tại khoản 1 Điều 149 BLTTDS; Luật phí và lệ phí năm 2015; điểm d khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định tại Điều 371, 372 BLTTDS.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39; khoản 1 Điều 149; khoản 2, 3 Điều 367; Điều 371 và Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 8; Điều 10; khoản 2 Điều 11; Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật phí và lệ phí năm 2015; điểm d khoản 2 Điều 11; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu của UBND xã T, thị xã K, tỉnh Hải Dương về việc hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Bùi Văn K và chị Nguyễn Thị H1 theo giấy chứng nhận kết hôn số 08 ngày 17/02/2002 của UBND xã T, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

2. Công nhận quan hệ hôn nhân của anh Bùi Văn K, sinh ngày 02/8/1979 và chị Nguyễn Thị H1, sinh ngày 10/6/1985, cùng trú tại: Thôn V, xã T, thị xã K, tỉnh Hải Dương kể từ thời điểm chị H1 đủ tuổi kết hôn (từ ngày 10/6/2003).

3. *Lệ phí Tòa án*: UBND xã T được miễn lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

4. *Về quyền kháng cáo, kháng nghị*: Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo quyết định trong

thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định này hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định./.

Nơi nhận:
- *Đương sự;*
- *VKSND thị xã Kinh Môn;*
- *UBND xã Thượng Quận, thị xã Kinh Môn (khi có hiệu lực);*
- *Công bố trên CTTĐT của Tòa án (khi có hiệu lực)*
- *Lưu hồ sơ việc dân sự.*

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Đào Văn Phúc